

SO SÁNH CẢI CÁCH KINH TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ TANDANIA

*PGS. TS. Đỗ Đức Định**

*GS. TS. Brian Van Arkadie***

Trong khoảng hai thập kỷ gần đây, sau công nghiệp hoá, cải cách, đổi mới và chuyển đổi sang kinh tế thị trường đang nổi lên trở thành mối quan tâm hàng đầu của nhiều nước đang phát triển và chuyển đổi. Bài viết này sẽ đề cập đến hai trường hợp tương đối điển hình của châu Á và châu Phi là Tandia ở Đông Phi và Việt Nam ở Đông Nam Á, trên cơ sở đó sẽ xem xét một cách tương đối cụ thể những vấn đề thực tiễn đặt ra cho các nước đang phát triển trong quá trình cải cách và đổi mới kinh tế.

I. TỔNG QUAN VỀ CẢI CÁCH KINH TẾ CỦA VIỆT NAM VÀ TANDANIA

Xét về thời gian, cuộc cải cách ở Việt Nam và Tandia diễn ra rất gần nhau. Tandia bắt đầu thảo luận và có những bước đi đầu tiên của cải cách vào đầu những năm 1980, chính thức tuyên bố thực hiện chương trình cải cách từ năm 1985. Việt Nam có những bước đi ban đầu về cải cách từng phần từ giữa những năm 1970, chính thức thực hiện chính sách đổi mới toàn diện từ năm 1986 trở đi. Ở cả hai nước, các chương trình cải cách vẫn đang tiếp diễn.

Vào thời kỳ đầu của quá trình cải cách, cả hai nền kinh tế đều có một số điểm

tương đồng: Việt Nam tuy đông dân hơn (80 triệu so với 30 triệu của Tandia), nhưng GDP tính theo đầu người thì tương đương với Tandia vào cuối những năm 1980. Việt Nam cũng có mức đô thị hoá tương đương Tandia. Cả hai nước về cơ bản đều có mức kiểm soát cao của chính phủ đối với nền kinh tế trước khi cải cách.

Có một điểm khác là Việt Nam đã từng là một nước thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế (hệ thống thương mại XHCN cũ gồm cả Liên Xô và các nước thành viên Đông Âu thuộc khối Xô Viết cũ), nhưng đồng thời Việt Nam cũng có một nền kinh tế kém phát triển. Những đặc điểm này cho phép có thể so sánh Việt Nam với các nền kinh tế đang cải cách đã từng là thành viên của Hội đồng tương trợ kinh tế cũ, đồng thời cũng có thể so sánh được với các nền kinh tế đang phát triển khác. Khi so sánh về mức độ hoạt động kinh tế, tất cả các dữ liệu đều cho thấy Việt Nam đã thành công hơn nhiều so với Tandia. Điều này được phản ánh rõ trong tỷ lệ tăng xuất khẩu rất cao của Việt Nam dựa trên mức tăng trưởng nhanh về sản lượng nông nghiệp và công nghiệp.

Mặc dù nền kinh tế Tandia đã có sự tiến triển tích cực trong cải cách và hiện thời là một trong những nền kinh tế thực hiện cải cách thành công hơn ở châu Phi, nhưng chưa thể coi là một ngôi sao về hoạt động kinh tế. Xét cả về mặt tăng trưởng nhanh so với những năm đầu khủng

* Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông

** 40 năm Cố vấn Kinh tế cho Tandia và 25 năm cố vấn kinh tế cho Việt Nam

hoảng và cả về mặt xoá đói giảm nghèo thì Tandia kém xa so với Việt Nam.

Trong những năm 1990, Việt Nam đạt được tỷ lệ tăng trưởng rất cao, đồng thời giảm mạnh tỷ lệ nghèo khổ so với các nước đang phát triển có mức thu nhập tương đương cũng như so với các nền kinh tế đang chuyển đổi khác (trừ trường hợp Trung Quốc). Việt Nam đã có những thay đổi sâu sắc trong hệ thống kinh tế mà không bị giảm sút về hoạt động kinh tế, nền kinh tế vẫn tăng trưởng bất chấp sự cắt giảm đột ngột viện trợ của Liên Xô, sự cấm vận của Mỹ và sự thiếu vắng về viện trợ tài chính của các tổ chức viện trợ đa phương trước năm 1993. Thành công của Việt Nam vào thời kỳ đó đối lập hẳn với sự sa sút nghiêm trọng diễn ra phổ biến trong quá trình cải cách ở các nền kinh tế khác thuộc Hội đồng tương trợ kinh tế.

Tandia cũng đã có một số thành công trong việc ổn định nền kinh tế và giành được mức tăng trưởng khiêm tốn về thu nhập tính theo đầu người. Tuy nhiên, nền kinh tế bị lệ thuộc nặng nề vào viện trợ bên ngoài, không tạo ra được mức tăng trưởng cao và đa dạng về xuất khẩu, yếu

tố hàng đầu dẫn tới sự hoạt động tốt của nền kinh tế Việt Nam.

Xét theo quan điểm cải cách, người ta sẽ dễ dàng bị phê phán là quá đơn giản nếu cho rằng thành công của Việt Nam là do Việt Nam thực hiện cải cách mạnh hơn Tandia. Đây chưa phải là lời kết luận nếu xét lại kinh nghiệm của cả quá trình cải cách.

Trong một số lĩnh vực, Việt Nam thậm chí còn kém hăng hái hơn so với Tandia khi thực hiện các chương trình cải cách do các nhà tài trợ thúc đẩy – nổi bật là trong việc cải cách doanh nghiệp và tư nhân hoá. Trong các tập bài giáo huấn của các nhà tài trợ thường được nêu dưới nhan đề "đổi thoai chính sách", có những lĩnh vực các nhà tài trợ cho rằng Việt Nam luôn luôn bị tụt hậu, và chế độ chính sách của Việt Nam đã bị thất bại. Những lĩnh vực liên tục bị phê phán nhiều nhất là việc cải cách xí nghiệp quốc doanh và môi trường quy chế đối với đầu tư nước ngoài. Gần đây, vấn đề quản trị nhà nước và tham nhũng cũng được người ta ngày càng nhấn mạnh. Về những mặt này, Tandia hăng hái hơn Việt Nam nhiều.

Bảng 1- Tăng trưởng GDP

	1987	1990	1995	2000	2001	2002	2003(a)
Tỷ lệ tăng GDP (%)							
Việt Nam	3,4	2,3	9,5	6,7	6,84	7,04	7-7,5
Tandia	4,4(b)	6,2	3,6	4,9	5,7	6,2	6,3
GDP đầu người (USD)							
Việt Nam	-	150	-	-	416	-	
Tandia (c)	-	189	272(d)	285	288	289(e)	

Nguồn: Số liệu thu thập và chỉnh lý từ các nguồn thống kê của Việt Nam, Tandia, WB và IMF

a) Dự kiến; b) 1988; c) Theo giá hiện hành; d) 1998; e) Số liệu sơ bộ.

II. HAI SỰ KHÁC NHAU CƠ BẢN CỦA HAI NỀN KINH TẾ TRƯỚC CẢI CÁCH

Hai lĩnh vực mang đặc điểm rõ nét phản ánh sự khác nhau tổng thể của hai nền kinh tế thời kỳ trước cải cách là sự đầu tư phát triển nguồn nhân lực và một

yếu tố liên quan với nó là sự thay đổi về dân số.

1. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Một lĩnh vực mà Việt Nam vượt trội so với Tandia trong thời kỳ trước cải cách

là việc đầu tư vào nguồn vốn con người. Đến cuối những năm 1980, dân số Việt Nam đã được giáo dục tốt hơn, có tuổi thọ dài hơn so với các nước có mức thu nhập bình quân đầu người tương đương, kể cả Tandia.

Việc đầu tư mạnh cho nguồn vốn con người ở Việt Nam gồm có việc đầu tư phát triển chương trình giáo dục cơ bản tổng hợp nâng cao trình độ văn hoá ở cả nông thôn và thành thị, phụ nữ cũng như nam giới, đưa Việt Nam trở thành một xã hội có đông đảo người trưởng thành biết chữ. Giữa những năm 1970, Tandia cũng đã có quyết sách tương tự khi đưa ra chương trình phổ cập giáo dục cơ sở. Tuy nhiên, ở Tandia cuộc khủng hoảng kinh tế cuối những năm 1970 đã dẫn đến sự đình trệ của chương trình giáo dục, sau một thời gian ngắn thực hiện, tỷ lệ nhập học đã giảm. Kết quả là đến năm 2000 tỷ lệ mù chữ của người ở độ tuổi trưởng thành của Tandia vẫn ở mức 25%, trong khi đó ở Việt Nam tỷ lệ này đã giảm xuống 7%.

Việt Nam có nhiều nỗ lực trong việc đào tạo kỹ thuật và chuyên môn, tích cực tìm các cơ hội để gửi người đi đào tạo kỹ thuật ở nước ngoài cũng như phát triển năng lực đào tạo kỹ thuật ở trong nước. Điều này đã bắt đầu được thực hiện ngay từ những thời kỳ đầu của cuộc đấu tranh giành độc lập. Còn Tandia, khi bắt đầu các mục tiêu công nghiệp hoá đầy tham vọng vào giữa những năm 1970, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và chuyên môn rất nhỏ bé (Tandia giành độc lập với một đội ngũ quý tộc có giáo dục rất mỏng, ngay cả nếu đem so với tiêu chuẩn khu vực lúc bấy giờ).

2. Sự chuyển biến về dân số

Việt Nam rất coi trọng công tác chăm sóc sức khoẻ cơ bản, kể cả sức khoẻ trẻ em,

nhờ đó đã đạt được những kết quả về tỷ lệ tử vong và tuổi thọ tốt hơn rất nhiều so với các nước có cùng mức thu nhập đầu người thấp. Ngay từ khi bắt đầu quá trình đổi mới, Việt Nam đã có lợi thế về dân số, sự chuyển đổi về dân số đạt trình độ tiến bộ hơn các nước có mức thu nhập tương đương. Tỷ lệ tăng dân số mang đặc điểm của giai đoạn giữa trong quá trình chuyển đổi, với tỷ lệ tử vong giảm dần xuống mức thấp, tỷ lệ sinh bắt đầu giảm mạnh.

Tỷ lệ sinh giảm là do Việt Nam áp dụng rộng rãi kế hoạch hoá gia đình. Tỷ lệ tăng dân số trong thời kỳ 1979-1989 ước tính là 2,1%/năm. Cuộc điều tra năm 1999 cho thấy, tỷ lệ tăng dân số giữa hai kỳ điều tra giảm xuống 1,7 %/năm (giai đoạn 1989-1999) và còn tiếp tục giảm xuống trong suốt thập kỷ vừa qua, xuống tới mức 1,4% theo ước tính năm 1999.

Tandia tuy về nguyên tắc cũng đã cam kết mạnh mẽ rằng sẽ thực hiện chăm sóc sức khoẻ cơ bản và cung cấp thuốc phòng bệnh, trong những năm 1970 đã từng là nước đi tiên phong ở châu Phi trong việc phát triển một chiến lược như vậy, nhưng kết quả đạt được thì còn quá xa so với các mục tiêu đề ra. Cụ thể là hiện Tandia vẫn đang ở giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi dân số. Tỷ lệ tăng dân số vẫn ở mức 2,8-2,9%/năm. Tuổi thọ tính từ lúc sinh là 44 (so với 69 của Việt Nam), tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi là 149/1000 (so với 34 ở Việt Nam). Tỷ lệ sinh ở mỗi phụ nữ là 5,6 con (so với 2,3 ở Việt Nam).

Việt Nam đã có một bước chuyển rõ ràng về độ tuổi dân số. Theo điều tra dân số năm 1989, thang tuổi của Việt Nam là hình kim tự tháp, cứ sau 5 năm thang tuổi của nhóm già lại tăng lên. Năm 1999, thang tuổi này có sự chuyển biến về cơ bản, với nhóm tuổi từ 5 đến 9 năm nhỏ

hơn nhóm 10-14, và nhóm 0 đến 4 tuổi còn có quy mô nhỏ hơn nữa. Trong khi đó ở Tandia tình hình diễn ra ngược lại, khoảng 47% dân số vẫn ở độ tuổi dưới 15.

Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một chính sách dân số tích cực, không khuyến khích các gia đình có trên hai con, nhưng không phải bằng biện pháp áp chế. Mức giảm tỷ lệ sinh còn phản ánh sự thành công của Việt Nam trong việc áp dụng các chính sách sức khỏe làm giảm tỷ lệ chết non và đạt tỷ lệ nhập học cao. Kết quả là sự chuyển biến dân số ở Việt Nam đã góp phần tạo ra một vòng tròn phát triển, giảm tỷ lệ tăng trưởng dân số là một điều kiện thuận lợi để nâng cao mức thu nhập tính theo đầu người, đến lượt nó mức tăng thu nhập tính theo đầu người lại góp phần làm giảm hơn nữa tỷ lệ sinh. Ở Tandia, chính phủ không theo đuổi một chính sách dân số tích cực.

III. NHỮNG KHÁC BIỆT TRONG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC KHU VỰC SẢN XUẤT

1. Sự tăng trưởng của khu vực nông thôn và nông nghiệp

Cơ cấu kinh tế của Việt Nam cũng giống như của Tandia, mang đặc trưng của một nền kinh tế đang phát triển có thu nhập thấp. Đầu những năm 1980, Việt Nam đã cải cách và chuyển đổi tương đối dễ dàng hệ thống nông nghiệp sang canh tác dựa trên cơ sở hộ gia đình theo hướng thị trường. Thêm vào đó, nền kinh tế nông thôn được phi tập trung hoá đã trở thành một cơ sở tốt cho sự phát triển của các hoạt động thương mại và thủ công quy mô nhỏ, những yếu tố địa phương của một hệ thống thị trường đang hình thành.

Tại Tandia, trừ sự khác biệt của vùng Ujamaa, hệ thống sản xuất vẫn dựa trên cơ sở hộ gia đình, vì thế hai hệ thống

của Việt Nam và Tandia không có gì là khác biệt nếu xét về tầm quan trọng của hoạt động canh tác quy mô nhỏ gia đình. Cái đã làm cho nông nghiệp Tandia không tiến triển được trong thời kỳ trước cải cách chính là ở sự không ăn nhập của hệ thống thương mại với sự biến đổi nhanh của hệ thống canh tác trước những cơ hội xuất hiện quá trình tự do hoá thương mại, đặc biệt là những hoạt động liên quan tới hàng hoá nông phẩm.

Việt Nam đã thành công hơn trong việc tạo ra được sự tăng trưởng nhanh trong nông nghiệp. Thoạt nhìn thì thấy rằng sự khác biệt là không lớn lắm: năng suất nông nghiệp đo theo giá trị gia tăng do một công nhân nông nghiệp tạo ra đã tăng từ 179 USD năm 1988/1990 lên 189 USD năm 1998/2000 ở Tandia, và từ 181 USD lên 240 USD trong cùng thời kỳ ở Việt Nam. Tuy sự khác biệt tỏ ra không lớn xét theo giá trị tuyệt đối, nhưng nó đã mang lại sự khác biệt to lớn về việc tăng nhanh số dư xuất khẩu hàng hoá nông phẩm. Kết quả mà Việt Nam đạt được là, nó đã đưa một nước từ bên lề của nạn đói trở thành một trong ba nước đứng đầu về xuất khẩu gạo và nổi lên là một nước xuất khẩu cà phê hàng đầu. So sánh giữa hai nước thì rõ nông nghiệp Tandia phát triển kém, sản xuất lương thực tăng trưởng tương đương mức tăng dân số, đất nước không bị khủng hoảng lương thực những năm gần đây và cũng đã khôi phục được một phần xuất khẩu, nhưng những kết quả đó không đáng gì khi so sánh với Việt Nam.

Diện tích đất trồng trọt tính theo đầu người của Việt Nam thấp và tỷ lệ đất có thể dùng cho canh tác nông nghiệp vào loại thấp nhất so với tất cả các nước đang phát triển ở châu Á. Mặc dù bị hạn chế như vậy, nhưng Việt Nam đã trở thành

một nước xuất khẩu nông phẩm hàng đầu và đã đẩy mạnh việc đa dạng hoá nông sản xuất khẩu trong những năm gần đây. Trong khi đó diện tích đất nông nghiệp theo đầu người của Tandia là 0,17 hecta, nhưng rất ít được thuỷ lợi hóa theo quy mô lớn. Theo đánh giá sơ bộ của Ngân hàng Thế giới nêu trong báo cáo về Các chỉ số phát triển thế giới, đến cuối những năm 1990 giá trị sản lượng nông nghiệp tính trên 1 hecta đất canh tác của Việt Nam cao gấp 2,3 lần so với Tandia.

Việt Nam cũng đã làm tốt hơn trong việc cung cấp các hàng hoá công hiệu quả như xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản để phục vụ nông nghiệp (nổi bật là thuỷ lợi và vận tải). Nông nghiệp Việt Nam được cơ giới hoá cao hơn xét trên mọi mức độ. Một điểm khác biệt lớn là về thuỷ lợi hoá. Thuỷ lợi hoá quan trọng không chỉ vì sự tác động cấp thời của nó đối với năng suất, mà còn vì tác dụng gián tiếp của nó trong việc giảm bớt những rủi ro do hoạt động phát minh và ứng dụng các kỹ thuật dùng nhập lượng cao.

Một lĩnh vực khác mà Việt Nam có thể có ưu thế hơn, đó là sự di dân giữa các vùng nông thôn với nhau. Sự di dân này góp phần thúc đẩy cả tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo – vì nó khuyến khích di dân đồng thời với khuyến khích đầu tư để mở các vùng canh tác cây trồng mới.

Việt Nam đã tăng được sản lượng lúa mỗi năm khoảng một triệu tấn, đưa đất nước từ chỗ thiếu lương thực, hàng năm nhập khẩu khoảng từ 0,5 triệu tấn đến 1 triệu tấn trước cải cách, trở thành một nước xuất khẩu mỗi năm từ 3 tấn đến 3,5 tấn gạo. Việt Nam cũng trở thành một nước xuất khẩu lớn về cà phê, cao su, hạt điều, chè, hạt tiêu và thuỷ hải sản, và cũng đang đẩy mạnh sản xuất một loạt các sản

phẩm cho thị trường trong nước như ngô, bông, đậu tương, đường, sữa, để thay thế nhập khẩu, giúp đất nước hạn chế các khoản chi tiêu ngoại tệ, có thêm ngoại tệ mạnh sử dụng cho các mục đích khác.

Sự tăng trưởng và đa dạng hoá ngoạn mục của Việt Nam đối lập hẳn so với những thay đổi nhỏ nhặt của Tandia về cơ cấu các sản phẩm nông nghiệp. Sau hai thập kỷ cải cách, tự cấp tự túc vẫn tiếp tục là yếu tố lớn trong hoạt động nông nghiệp của Tandia. Sản lượng lương thực vẫn quanh quẩn trên dưới 7 triệu tấn/năm. Vào những năm sản xuất yếu kém, Tandia vẫn phải nhập khẩu một lượng khá lớn lương thực - năm 2003 chẳng hạn, nguồn cung cấp lương thực trong nước chỉ đủ đáp ứng 90% nhu cầu của cả nước, còn lại 10% phải nhập khẩu, bao gồm 350.000 tấn ngô, 223.000 tấn bột mì, 167.500 tấn gạo. Chính phủ đã phải giành 8,0 tỷ Shilling dự phòng để đáp ứng những nhu cầu khẩn cấp về lương thực (QER, April-June, 2003, p.1-2).

2. Khu vực công nghiệp và xí nghiệp quốc doanh

Mặc dù có một số khó khăn trong giai đoạn chuyển tiếp, nhưng sản lượng công nghiệp Việt Nam vẫn tăng một cách sống động trong suốt quá trình cải cách, đặc biệt quan trọng là nó đã đóng góp rất có ý nghĩa cho sự tăng nhanh xuất khẩu. Trái lại, ở Tandia cải cách đã không làm cho công nghiệp khá hơn chút nào, Tandia cũng đã không phát triển được công nghiệp xuất khẩu.

Sự khác biệt này có thể được giải thích theo hai khía cạnh: đó là do có sự khác biệt trước cải cách và sự khác biệt về chiến lược cải cách. Trước cải cách, Việt Nam đã có những nỗ lực để thực hiện công nghiệp hoá, nhờ đó đã đặt nền móng cho sự tăng